

Số: 13/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 16/2025/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991

Căn cước công dân số: 038191006081; cấp ngày 28/8/2021.

Địa chỉ: Thôn X, xã L, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989

Căn cước công dân số: 038089047951; cấp ngày 15/12/2021.

Địa chỉ: Thôn X, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/9/2025 các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết các vấn đề trong việc dân sự cụ thể:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23 tháng 02 năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ

chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T và anh B đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị T và anh B thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B công nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Hoàng V, sinh ngày 16/9/2011 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/12/2020. Chị T và anh B thống nhất thỏa thuận anh B trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn Hoàng V. Chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh N. Anh B cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh N mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9/2025 đến khi cháu N thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[3] Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B thống nhất thỏa thuận anh B chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B công nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Hoàng V, sinh ngày 16/9/2011 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/12/2020. Chị T và anh B thống nhất thỏa thuận anh B trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn Hoàng V. Chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh N. Anh B cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh N mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2025 đến khi cháu N thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B thống nhất thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn B chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) anh B đã nộp theo biên lai thu số 0000650 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận anh B đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã L;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

